TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST Ngày 12-9-2018 V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quang Hợp

2. Bà Lê Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâu Thị M, sinh năm 1984

Trú tại: Bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Thao Hơ P, sinh năm 1979

Trú tại: Bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. Người phiên dịch cho nguyên đơn: Ông Lý Seo D, sinh năm 1950

Trú tại: Bản Poom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2018 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn Lâu Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tự do tìm hiểu, yêu đương, không bị ai ép buộc, hai người hoàn toàn tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của người dân tộc Mông và chung sống với nhau từ năm 1996, đến nay không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng

hạnh phúc được 08 năm thì anh P nghiện chất ma túy, từ đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị và gia đình hai bên nội ngoại và Ban quản lý bản đã hòa giải, khuyên ngăn nhiều lần, anh P hứa sẽ cai nghiện chất ma túy, được một thời gian thì anh P lại tiếp tục tái nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con, anh P thường bỏ sang nước Lào ở nhiều ngày cùng các bạn nghiện, khi về thì đánh đập vợ, con và không lo tu chí làm ăn cùng vợ, con. Hiện 02 vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2018 và chị hiện tại không có thai nghén. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh P không quan tâm đến vợ, con, nên mong Tòa án xem xét cho hai người chấm dứt mối quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 05 con chung, tên các cháu là: Thao Văn Đ, sinh ngày 13/02/1998 cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự lo cho bản thân; Cháu Thao Lâu P, sinh ngày 25/5/2002; cháu Thao Văn M, sinh ngày 01/11/2004; cháu Thao Anh D, sinh ngày 13/7/2008 và cháu Thao Văn L, sinh 07/9/2013; cháu D và cháu L đang là học sinh và các cháu đang ở cùng mẹ, các cháu phát triển bình thường. Nguyên vọng của chị là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu 04 cho đến khi các cháu trưởng thành, anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ/ tháng (Mỗi cháu là 500.000đ/tháng), cho đến khi từng cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Tại phiên tòa chị đề nghị anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) đóng góp hàng tháng, thời gian từ tháng 11/2018.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Mong Tòa án xem xét miễn án phí theo quy định của pháp luật, vì chị thuộc diện hộ nghèo.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2018 và quá trình giải quyết, xét xử, bị đơn Thao Hơ P trình bày:

Về Hôn nhân: Anh và chị M chung sống với nhau từ năm 1996 trên tinh thần tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo tập quán của người dân tộc Mông, anh chị không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2015 thì anh sử dụng ma túy và bị nghiện nên đã thiếu quan tâm đến gia đình, hiện 02 vợ chồng đã sống ly thân. Nhưng anh hứa từ nay sẽ thay đổi, sẽ quan tâm đến vợ, con nhiều hơn, vì các con đã lớn, sẽ cai nghiện chất ma túy và đang còn thương yêu vợ con, nên không muốn chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với chị M.

Về con chung: Hai người có 05 con chung, cháu đầu đã trưởng thành, cháu còn lại 04 cháu đang ở chung với vợ chồng anh chị, nếu phải ly hôn thì để chị M là người nuôi dưỡng, chăm sóc cả 04 cháu và anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án các con chung của chị M và anh P đều trình bày: Các cháu đều thấy bố mẹ thường xuyên cải nhau, bố hay bỏ nhà đi dài

ngày, bố không có trách nhiệm với các cháu và bố bị nghiện chất ma túy. Nếu bố mẹ các cháu mà ly hôn thì các cháu muốn được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị và được chính quyền địa phương xác nhận là anh P và chị M không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cải vả nhau, nhiều lần Ban quản lý bản đã phải hòa giải và thuyết phục nhưng không thành, anh P thường vắng mặt tại địa phương nhiều ngày, bỏ sang Lào để tìm mua ma túy để sử dụng, theo thông tin nắm được ở cơ sở thì anh P là người nghiện chất ma túy từ lâu, chưa được đi cai nghiện tập trung, dẫn đến vợ chồng anh chị không hạnh phúc.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không công nhận chị M và anh P là vợ chồng; Về con chung giao 04 cháu chưa trưởng thành là cháu Thao Lâu P, sinh ngày 25/5/2002; cháu Thao Văn M, sinh ngày 01/11/2004; cháu Thao Anh D, sinh ngày 13/7/2008 và cháu Thao Văn L, sinh 07/9/2013 cho chị M là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành, anh P có quyền thăm non con chung, chị M không được ngăn cấm, cản trở. Về cấp dưỡng: Anh P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ. Về tài sản chung, nợ nần chung: Không giải quyết. Về án phí:Đề nghị HĐXX miễn án phí cho chị M và anh P vì anh chị thuộc diện hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án này; Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Lâu Thị M là Nguyên đơn; anh Thao Hơ P là bị đơn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

[2] *Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:* Về người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành tố tụng luôn tiến hành đầy đủ các thủ tụng tố tụng, gồm: Thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu cung cấp lời khai; lấy lời khai; xác minh tình trạng hôn nhân; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải..... đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tống đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng. Về người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

[3] Chị M và anh P được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1996, quá trình chung sống anh, chị không đăng ký kết hôn và ly thân từ tháng

04/2018. Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình quy định: *Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu luật cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.*

Chị M và anh P chung sống với nhau vào năm 1996, xét thấy, tại thời điểm anh chị chung sống với nhau (năm 1996) anh chị đều chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định, như vậy anh chị đã tảo hôn. Nhưng đến thời điểm Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thì anh, chị đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định và anh chị phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn, đã vi phạm quy định tại điều 9 và điều 14 Luật Hôn nhân Gia đình, nên không được công nhận là quan hệ vợ chồng. Nay anh, chị mâu thuẫn và chị M xin ly hôn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không công nhận anh P và chị M là vợ chồng, nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh P.

[4] *Về con cái và cấp dưỡng:* Trong quá trình chung sống thì anh chị có 05 con chung. Cháu Thao Văn Đ đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Chị M yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Thao Lâu P, cháu Thao Văn M, cháu Thao Anh D và cháu Thao Văn L hiện các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng (Mỗi cháu là 250.000đ/cháu/tháng), hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian từ tháng 11/2018; Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị M và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hợp lý, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu Thao Lâu P, sinh ngày 25/5/2002; cháu Thao Văn M, sinh ngày 01/11/2004; cháu Thao Anh D, sinh ngày 13/7/2008 và cháu Thao Văn L, sinh 07/9/2013 cho chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành. Anh P có quyền thăm nom con chung, chị M không được ngăn cấm cản trở. Anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi (Mỗi cháu là 250.000đ/tháng); hình thức cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2018. Chị M và anh P đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng khi thấy cần thiết và có căn cứ pháp luật.

[6] *Về tài sản chung, công nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] *Về án phí và kháng cáo:* Các đương sự thuộc diện hộ nghèo và là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đại diện viện kiểm sát đề nghị miễn án phí cho các đường sự. Căn cứ điểm đ khoản 1

điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì miễn án phí sơ thẩm cho chị Lâu Thị M và anh Thao Hơ P.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 68, điều 266, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282, điều 372 Bộ luật dân sự;

Điều 9, điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 9, điều 14, điều 58, điều 81, điều 83, điều 84, điều 88, điều 107, điều 110, điều 115, điều 116, điều 117 và điều 118 Luật HN&GĐ năm 2015;

Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâu Thị M và anh Thao Hơ P.

2. Về con chung: Giao các cháu Thao Lâu P, sinh ngày 25/5/2002; cháu Thao Văn M, sinh ngày 01/11/2004; cháu Thao Anh D, sinh ngày 13/7/2008 và cháu Thao Văn L, sinh 07/9/2013 cho chị Lâu Thị M là người trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành, hiện các cháu phát triển bình thường về trí lực và thể lực, anh P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Anh Thao Hơ P phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M là 1.000.000đ/ tháng (Một triệu đồng/tháng) cho 04 cháu, mỗi cháu 250.000đ/tháng cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi; hình thức cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2018. Chị M và anh P đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng khi thấy cần thiết và có căn cứ pháp luật.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

4. Về án phí: Miễn án phí HN&GĐ sơ thẩm cho chị Lâu Thị M; Miễn án phí cấp dưỡng nuôi con trong vụ án HN&GĐ cho anh Thao Hơ P.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo

tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Viện kiểm sát nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Nhi Sơn, H. Mường Lát, T. Thanh Hóa;
- Nguyên đơn Lâu Thị M;
- Bị đơn Thao Hơ P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng